TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2020.
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 641/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trúc P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"Có mặt"

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc P trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc P và ông Trần Văn S kết hôn năm 2005, hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 29/11/2005. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung tại: Tổ A, khu phố B, thị trấn

C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S có tính cờ bạc gây ra nhiều nợ nần nên vợ chồng bất đồng ý kiến và thường xuyên cãi nhau, dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà P đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng ông S vẫn không thay đổi. Hiện nay, bà P và ông S vẫn sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm tới nhau nữa và không còn phụ thuộc nhau về kinh tế. Nay, bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn ông S.

Về con chung: Bà P và ông S có 02 con chung là Trần Thị Bích V, sinh ngày 16/10/2006 và Trần Quốc H, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay, các con chung đang ở cùng bà P và ông S. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con và yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với mỗi con chung là 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa bà P yêu cầu ông S cấp dưỡng đối với mỗi con chung là 1.500.000đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng từ ngày bản án/quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2020; tại các phiên hòa giải ngày 05/02/2020, ngày 23/6/2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông S và bà P kết hôn năm 2005 trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 29/11/2005. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung tại: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông S thừa nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ do ông S chơi cờ bạc nên vợ chồng có cãi nhau, nhưng sau đó vợ chồng đã giải quyết được mâu thuẫn và sống hạnh phúc với nhau. Cách đây khoảng 04 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, gay gắt hơn. Hiện nay, bà P và ông S vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân, mạnh ai nấy sống. Ông S nhận thấy vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng và hiện nay các con còn nhỏ nên ông S không đồng ý ly hôn và mong muốn có thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng, khắc phục mâu thuẫn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông S và bà P có 02 con chung Trần Thị Bích V, sinh ngày 16/10/2006 và Trần Quốc H, sinh ngày 21/9/2009.

Nếu phải ly hôn thì ông S đồng ý giao 02 con chung cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung:

Ông S và bà P có tài sản chung như sau:

- 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất 479, tờ bản đồ số 82 thị trấn C, huyện Xuyên Mộc, diện tích đất là 500m^2; đất do cha bà P là ông Trần Văn Dư tặng cho riêng bà P năm 2012 và bà P đã được Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 656685 ngày 13/11/2012. Hiện nay, ông S và bà P đang ở và quản lý căn nhà. Ông S yêu cầu bà P trả lại cho ông S ½ trị giá căn nhà, ông S để lại nhà cho bà P được quyền sử dụng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 643m^2 thuộc thửa đất 405, tờ bản đồ số 82 thị trấn C, huyện Xuyên Mộc; đất được Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 644157 ngày 15/01/2013 cho ông S và bà P đứng tên.

Ông S yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng, mỗi người được hưởng một nửa tài sản.

Về nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng tới nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc P là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà P được ly hôn ông S. Về con chung, đề nghị giao cháu V và cháu H cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con của bà P và ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Ông Trần Văn S có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 343, quyển số 01, ngày 29/11/2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà Trần Thị Trúc P và ông Trần Văn S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông S. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà P và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà P được ly hôn ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung:* Xét việc bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung thấy rằng: Các cháu Trần Thị Bích V và Trần Quốc H có nguyện

vọng được ở với bà P nếu bà P và ông S ly hôn, vì vậy giao các cháu Trần Thị Bích V và Trần Quốc H cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Bà P yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000đồng/tháng và được ông S đồng ý. Xét thấy thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của bà P và ông S phù hợp với khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận nên ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với các cháu Trần Thị Bích V và Trần Quốc H, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung:*

Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ông S yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng.

Xét thấy tại phiên hòa giải ngày 05/02/2020 ông S trình bày yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng không làm đơn yêu cầu nên ngày 01/6/2020 Tòa án đã ban hành Thông báo số 120/TB-TA và tống đạt cho ông S để ông S làm đơn yêu cầu chia tài sản theo quy định, tuy nhiên đến phiên hòa giải ngày 23/6/2020 ông S vẫn không thực hiện. Do đó, không có cơ sở để xem xét, giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung của ông S trong vụ án này. Ông S được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. *Về nợ chung:* Bà P và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà Trần Thị Trúc P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Trần Văn S phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc P được ly hôn ông Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Bích V, sinh ngày 16/10/2006 và Trần Quốc H, sinh ngày 21/9/2009 cho bà Trần Thị Trúc P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu Trần Thị Bích V và Trần Quốc H mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trần Thị Bích V và cháu Trần Quốc H đủ 18 tuổi.

Ông Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Trúc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001536 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị Trúc P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Trần Văn S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND thị trấn C, huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Duy